

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán

Kính gửi: Đại Hội đồng Cổ đông Công ty cổ phần Sản xuất
và Chế biến dầu khí Phú Mỹ

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội ban hành ngày 26/11/2014, có hiệu lực từ ngày 01/7/2015;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến dầu khí Phú Mỹ (PV Oil Phú Mỹ) ban hành kèm theo Quyết định số 08/QĐ-ĐHĐCĐ ngày 09/5/2012 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần sản xuất và Chế biến dầu khí Phú Mỹ;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty đã được kiểm toán.


Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến dầu khí Phú Mỹ kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua Báo cáo Tài chính năm 2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam, trong đó có các chỉ tiêu chính như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Giá trị (thời điểm 31/12/2015)
I	TỔNG TÀI SẢN	573.451.486.648
1	Tài sản ngắn hạn	333.246.560.524
2	Tài sản dài hạn	240.204.926.124
II	NGUỒN VỐN	573.451.486.648
1	Nợ phải trả	20.527.874.123
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	552.923.612.525
III	KẾT QUẢ KINH DOANH	
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	435.457.862.281
2	Lợi nhuận trước thuế	1.880.287.859
3	Lợi nhuận sau thuế	1.313.150.563

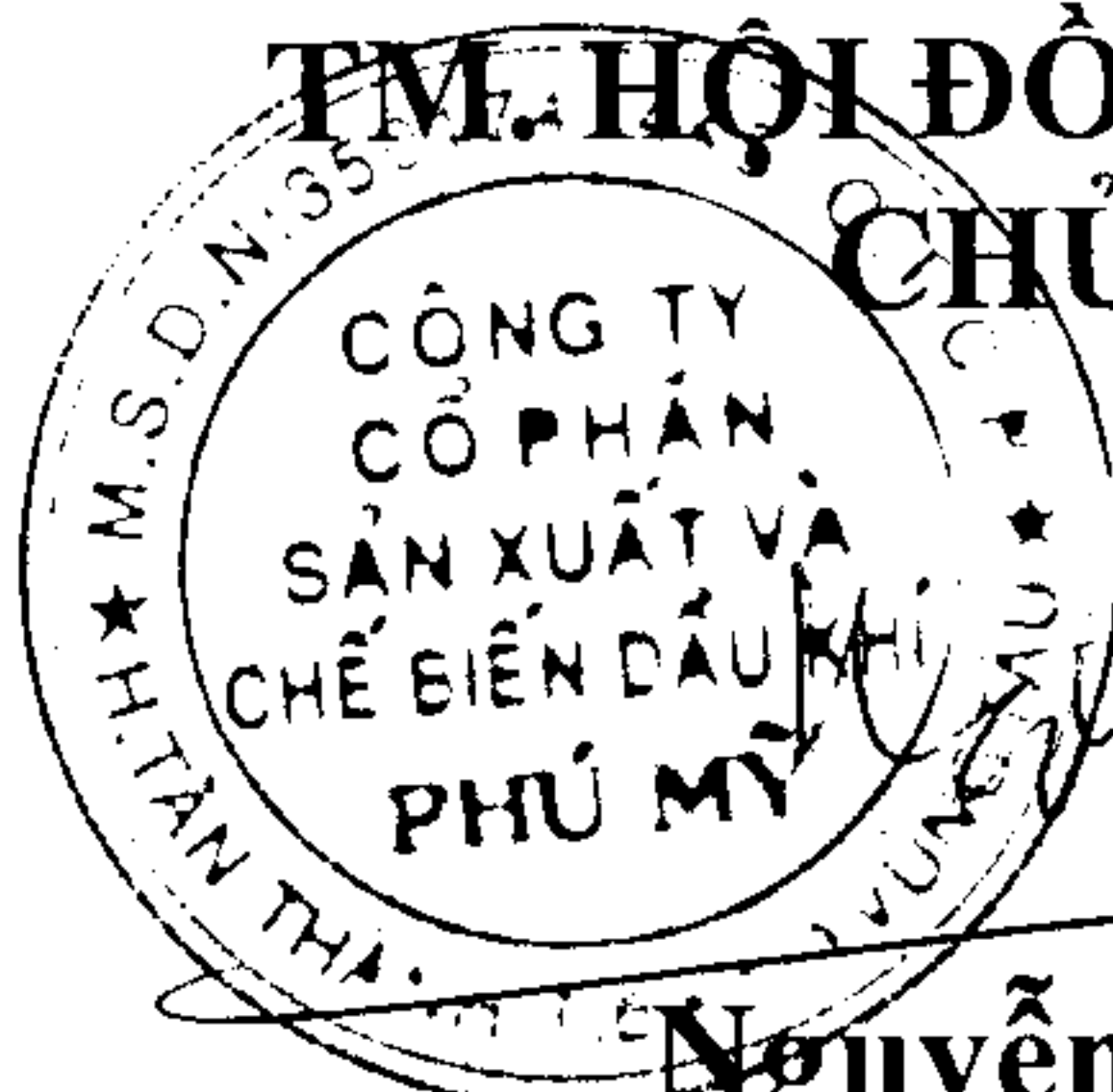
Nội dung chi tiết của Báo cáo Tài chính năm 2015 được đính kèm theo Tờ trình này.

Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Trí Dũng





**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CHÉ BIẾN
DẦU KHÍ PHÚ MỸ**

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 22

U
D
*
M.S.D.A

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Trí Dũng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Trọng Quyết	Thành viên
Ông Nguyễn Hải Nam	Thành viên (bổ nhiệm ngày 26 tháng 5 năm 2015)
Ông Phạm Tiến Dũng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 26 tháng 5 năm 2015)
Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Kiều Liên	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Trọng Quyết	Giám đốc
Ông Lê Đăng Thạch	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Kim Ngọc	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

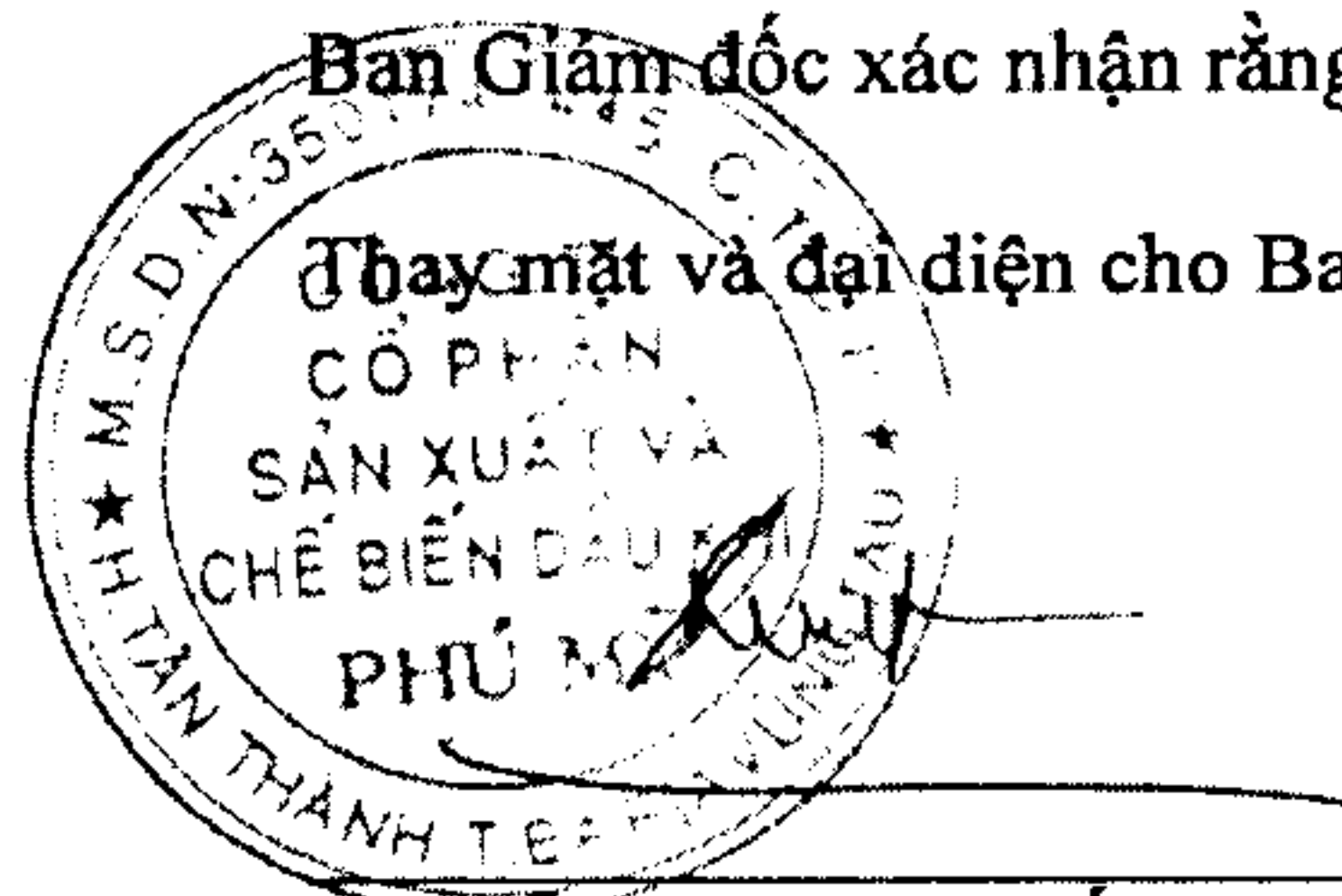
Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Trọng Quyết
Giám đốc

Ngày 25 tháng 02 năm 2016

Số: 859 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 02 năm 2016 từ trang 04 đến trang 22, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày tại Thuyết minh số 10 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đang phản ánh trên khoản mục "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" bao gồm Dự án mở rộng kho chứa nhà máy chế biến condensate và Dự án mở rộng và sử dụng hiệu quả nguyên liệu cho nhà máy chế biến condensate với số tiền là 41.624.456.645 VND. Căn cứ vào Quyết định số 18/QĐ-DKPM-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 12 năm 2011 của Đại hội đồng cổ đông, Công ty đã dừng triển khai xây dựng 2 dự án này. Đến thời điểm hiện tại, Công ty chưa có những đánh giá và quyết định cụ thể về khả năng thu hồi cũng như việc tiếp tục đầu tư các dự án nêu trên. Chúng tôi không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán cần thiết để thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến các dự án này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh số liệu chi phí xây dựng cơ bản dở dang hay không.

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Deloitte Touche Tohmatsu Limited (hay "Deloitte Toàn cầu") không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.


100%
CỔ
CHIA
DEL
VIỆ
S DA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

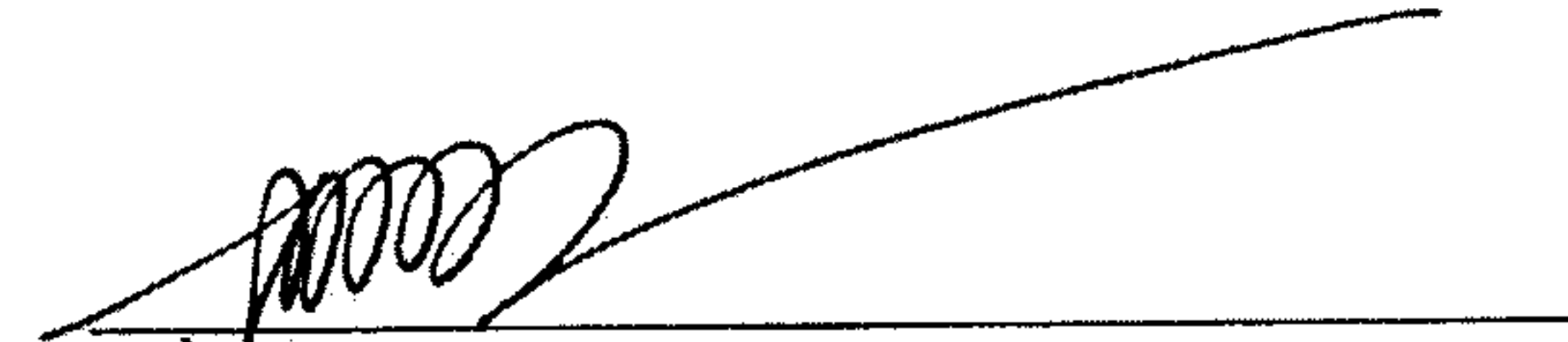
Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.




Khúc Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0036-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 25 tháng 02 năm 2016.
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam


Trần Quang Huy
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1675-2013-001-1

11/11/2016 10:11 AM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		333.246.560.524	305.309.692.896
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	40.365.674.050	59.067.210.455
1. Tiền	111		12.365.674.050	39.067.210.455
2. Các khoản tương đương tiền	112		28.000.000.000	20.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		224.555.667.032	237.254.933.399
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	210.953.476.476	228.417.091.691
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		426.981.022	155.062.500
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	13.175.209.534	8.682.779.208
III. Hàng tồn kho	140	8	67.481.486.812	8.987.549.042
1. Hàng tồn kho	141		67.481.486.812	8.987.549.042
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		843.732.630	-
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		843.732.630	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		240.204.926.124	262.613.490.041
I. Tài sản cố định	220		174.196.259.595	208.252.274.570
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	174.196.259.595	208.252.274.570
- Nguyên giá	222		345.150.336.338	344.794.547.611
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(170.954.076.743)	(136.542.273.041)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		66.008.666.529	54.361.215.471
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	10	66.008.666.529	54.361.215.471
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		573.451.486.648	567.923.182.937

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MÃ SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		20.527.874.123	16.109.562.257
I. Nợ ngắn hạn	310		20.527.874.123	16.109.562.257
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	11.735.500.412	9.265.561.055
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	1.081.482.367	3.496.237.065
3. Phải trả người lao động	314		5.275.523.652	2.415.168.079
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	13	2.195.506.207	680.040.726
5. Phải trả ngắn hạn khác	319		117.339.346	102.791.911
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		122.522.139	149.763.421
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		552.923.612.525	551.813.620.680
I. Vốn chủ sở hữu	410	14	552.923.612.525	551.813.620.680
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		500.000.000.000	500.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		22.883.498.026	22.883.498.026
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		30.040.114.499	28.930.122.654
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		28.726.963.936	28.422.225.858
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		1.313.150.563	507.896.796
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		573.451.486.648	567.923.182.937

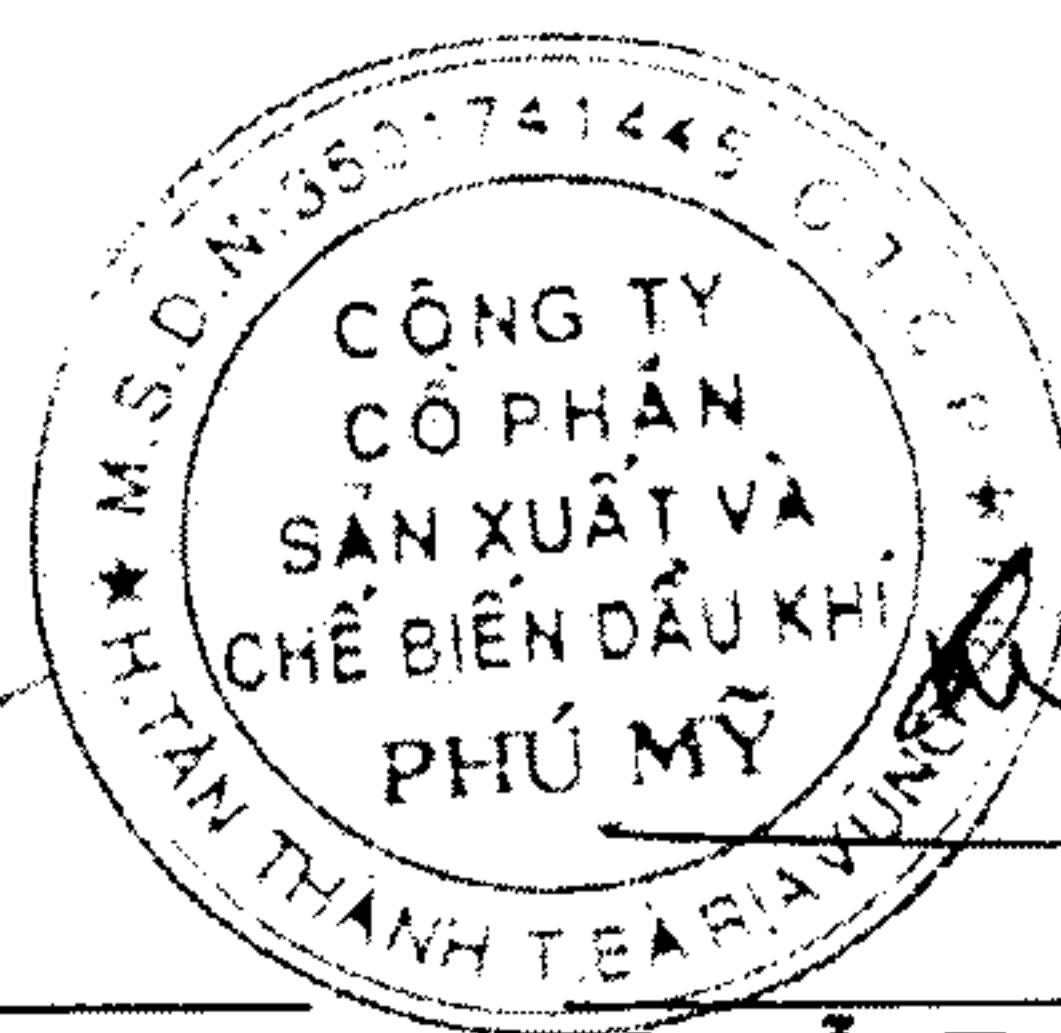


Lê Văn Phong
 Người lập biểu

Ngày 25 tháng 02 năm 2016



Lương Trung Kiên
 Kế toán trưởng



Nguyễn Trọng Quyết
 Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

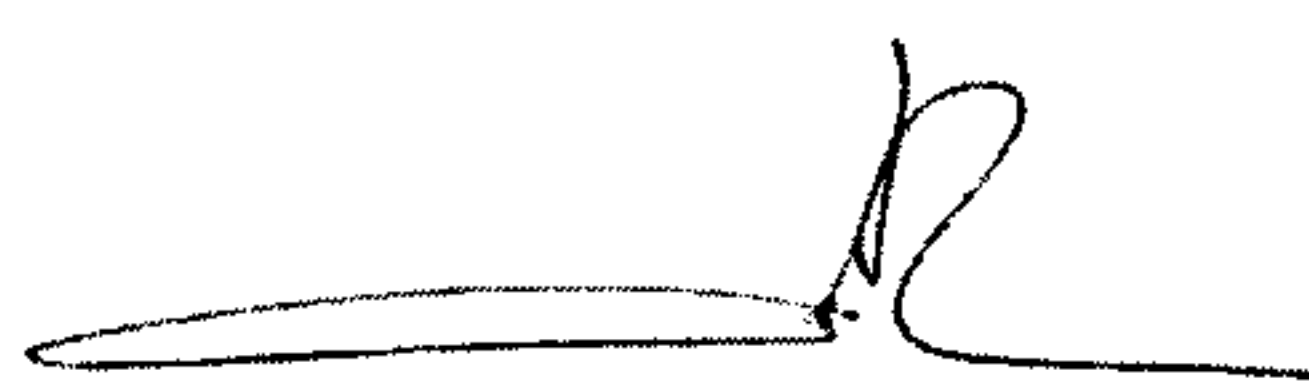
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 02-DN

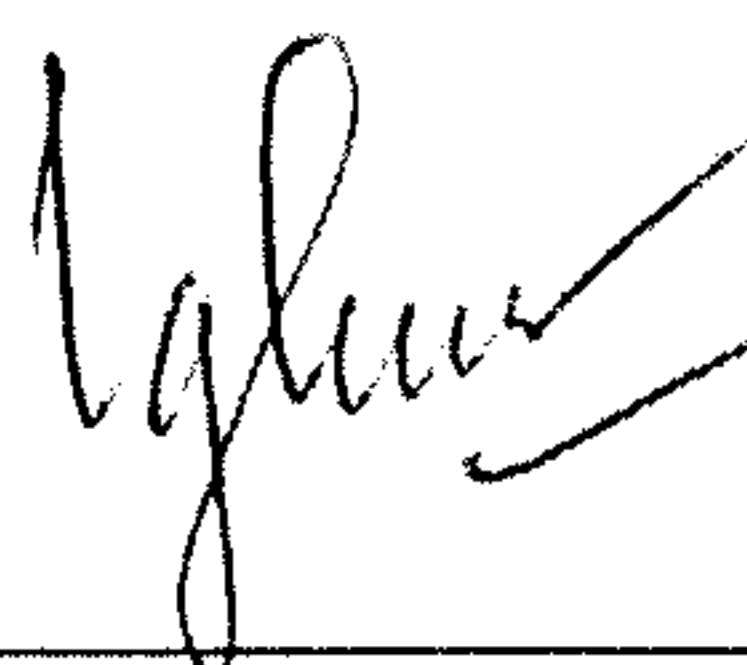
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2015	2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	15	435.457.862.281	203.605.846.355
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		435.457.862.281	203.605.846.355
3. Giá vốn hàng bán	11	16	421.200.858.932	199.009.371.964
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		14.257.003.349	4.596.474.391
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	4.915.857.465	9.010.324.704
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	19	17.469.604.310	13.749.704.918
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-26)	30		1.703.256.504	(142.905.823)
8. Thu nhập khác	31		874.640.295	1.829.152.026
9. Chi phí khác	32		697.608.940	807.375.242
10. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		177.031.355	1.021.776.784
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		1.880.287.859	878.870.961
12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	20	567.137.296	370.974.165
13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		1.313.150.563	507.896.796
14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	21	16	6

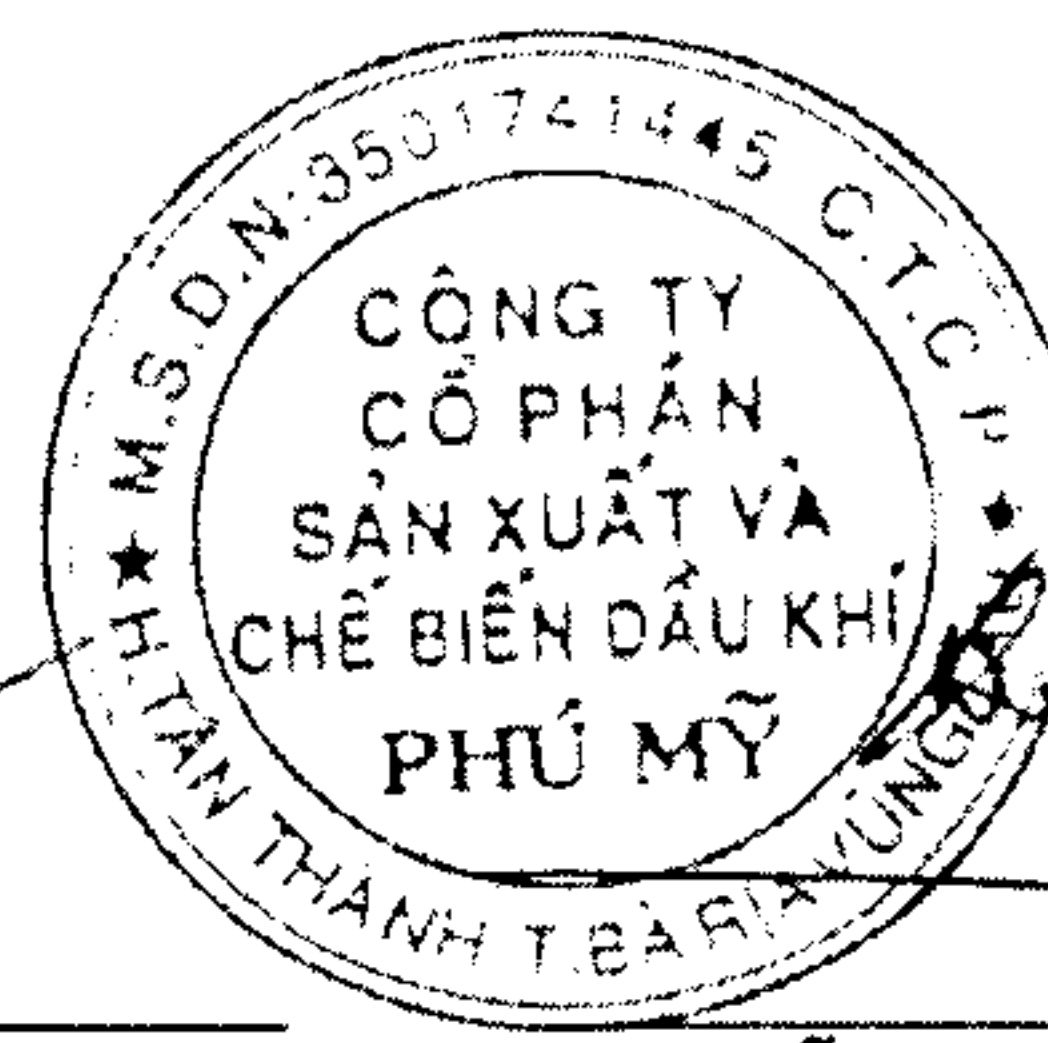


Lê Văn Phong
Người lập biểu

Ngày 25 tháng 02 năm 2016



Lương Trung Kiên
Kế toán trưởng



Nguyễn Trọng Quyết
Giám đốc


Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2015	2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.880.287.859	878.870.961
2. Điều chỉnh cho các khoản:		34.233.575.010	25.302.024.099
- Khấu hao tài sản cố định	02	34.411.803.702	34.312.348.803
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(178.228.692)	(9.010.324.704)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	36.113.862.869	26.180.895.060
- Thay đổi các khoản phải thu	09	11.855.533.737	(13.941.846.513)
- Thay đổi hàng tồn kho	10	(58.493.937.770)	29.300.835.180
- Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	5.693.603.445	(5.457.765.758)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.699.430.593)	(3.217.967.810)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(230.400.000)	(912.810.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(6.760.768.312)	31.951.340.159
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(12.118.996.785)	(15.546.917.854)
2. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	5.000.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	178.228.692	9.010.324.704
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(11.940.768.093)	(1.536.593.150)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30)	50	(18.701.536.405)	30.414.747.009
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	59.067.210.455	28.652.463.446
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	40.365.674.050	59.067.210.455



Lê Văn Phong
Người lập biểu



Lương Trung Kiên
Kế toán trưởng




Nguyễn Trọng Quyết
Giám đốc

Ngày 25 tháng 02 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CHẾ BIẾN DẦU KHÍ PHÚ MỸ

Khu Công nghiệp Cái Mép, xã Tân Phước, huyện Tân Thành
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN CHUNG**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ (gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư số 3501741445 ngày 30 tháng 11 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp và các giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 500 tỷ đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 146 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 153 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm có liên quan;
- Bán lẻ xăng dầu và các sản phẩm có liên quan;
- Sản xuất và chế biến nhiên liệu và dung môi;
- Kinh doanh nhiên liệu sinh học (Ethanol fuel, Bodiesel);
- Thực hiện các hoạt động liên quan đến lĩnh vực sản xuất và kinh doanh nhiên liệu sinh học;
- Mua bán thiết bị, vật tư máy móc và dịch vụ thương mại;
- Mua bán phương tiện phục vụ công tác chế biến và kinh doanh sản phẩm dầu;
- Mua bán vật tư thiết bị, hóa chất trong lĩnh vực chế biến sản phẩm dầu;
- Xây dựng các hệ thống bồn chứa, phân phối và kinh doanh sản phẩm dầu;
- Kinh doanh vận tải xăng dầu và các sản phẩm từ dầu mỏ;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Cho thuê kho bãi và lưu giữ hàng hóa; và
- Kiểm tra phân tích kỹ thuật, dịch vụ thử nghiệm xăng dầu.

Hoạt động chính của Công ty là gia công và bán phụ gia cho Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV (Công ty mẹ của Công ty).

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số số liệu so sánh (số liệu tại ngày 31 tháng 12 năm 2014) trên Bảng cân đối kế toán đã được phân loại lại cho phù hợp với số liệu của năm nay.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CHẾ BIẾN DẦU KHÍ PHÚ MỸ

Khu Công nghiệp Cái Mép, xã Tân Phước, huyện Tân Thành
 Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 15
Máy móc và thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải	3 - 8
Thiết bị văn phòng	3

01
 01
 NH
 L
 T
 /
 A

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CHẾ BIẾN DẦU KHÍ PHÚ MỸKhu Công nghiệp Cái Mép, xã Tân Phước, huyện Tân Thành
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Tiền mặt	80.440.553	128.815.147
Tiền gửi ngân hàng (i)	12.285.233.497	38.938.395.308
Các khoản tương đương tiền (ii)	28.000.000.000	20.000.000.000
	<u>40.365.674.050</u>	<u>59.067.210.455</u>

(i) Tiền gửi ngân hàng bao gồm 162.559.693 VND gửi tại Ngân hàng TMCP Đại Dương (nay là Ngân hàng Thương mại TNHH Một thành viên Đại Dương) bị ngừng giao dịch theo Chỉ thị số 600/2015/CT-TGD ngày 13 tháng 02 năm 2015 về việc tạm dừng cung cấp dịch vụ thanh toán cho các tổ chức kinh tế thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để tiến hành rà soát, thẩm định hồ sơ thanh toán của khách hàng. Hiện nay, Ngân hàng Thương mại TNHH Một thành viên Đại Dương đã thuộc sở hữu của Ngân hàng Nhà nước, theo đó Ban Giám đốc đánh giá và tin tưởng rằng khoản tiền gửi này sẽ thu hồi trong thời gian tới khi có quyết định từ Ngân hàng Nhà nước.

(ii) Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Quốc tế - Chi nhánh Vũng Tàu bằng Đồng Việt Nam có thời hạn 01 tuần với mức lãi suất là 0,5%/năm.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁCH HÀNG

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Phương	18.054.637	826.663.466
Phải thu khách hàng các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 23)	210.935.421.839	227.590.428.225
	<u>210.953.476.476</u>	<u>228.417.091.691</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty không phát sinh nợ phải thu quá hạn, nợ xấu. Theo đó, Công ty không trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CHẾ BIẾN DẦU KHÍ PHÚ MỸ

Khu Công nghiệp Cái Mép, xã Tân Phước, huyện Tân Thành

Báo cáo tài chính

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Phải thu lãi trả chậm tiền hàng	13.069.657.786	8.332.029.013
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV		
Ký cược, ký quỹ	40.000.000	-
Phải thu người lao động	-	11.000.000
Phải thu khác	65.551.748	339.750.195
	13.175.209.534	8.682.779.208

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	66.597.426.396	-	6.402.461.572	-
Hàng gửi đi bán	884.060.416	-	2.585.087.470	-
	67.481.486.812	-	8.987.549.042	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty không có hàng hóa, nguyên vật liệu kém phẩm chất, giảm giá. Theo đó, Công ty không phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2015	45.929.339.751	289.823.292.762	8.324.594.546	717.320.552	344.794.547.611
Tăng do mua sắm	31.900.000	526.783.018	-	39.090.909	597.773.927
Tăng do XDCB hoàn thành	-	501.616.000	-	-	501.616.000
Điều chỉnh khác (*)	-	(743.601.200)	-	-	(743.601.200)
Tại ngày 31/12/2015	45.961.239.751	290.108.090.580	8.324.594.546	756.411.461	345.150.336.338
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2015	14.358.964.826	117.271.333.535	4.291.505.682	620.468.998	136.542.273.041
Khấu hao trong năm	3.934.208.442	29.163.964.508	1.254.932.424	58.698.328	34.411.803.702
Tại ngày 31/12/2015	18.293.173.268	146.435.298.043	5.546.438.106	679.167.326	170.954.076.743
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2015	27.668.066.483	143.672.792.537	2.778.156.440	77.244.135	174.196.259.595
Tại ngày 31/12/2014	31.570.374.925	172.551.959.227	4.033.088.864	96.851.554	208.252.274.570

(*) Đây là khoản điều chỉnh tài sản cố định sang chi phí xây dựng cơ bản dở dang do tài sản chưa sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 với giá trị là 2.046.895.649 VND (31 tháng 12 năm 2014: 514.751.868 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CHẾ BIẾN DẦU KHÍ PHÚ MỸKhu Công nghiệp Cái Mép, xã Tân Phước, huyện Tân Thành
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn		
Mua sắm	577.000.000	-
Xây dựng cơ bản	65.431.666.529	54.361.215.471
Trong đó:		
- Dự án Mở rộng và sử dụng hiệu quả nguyên liệu cho nhà máy chế biến condensate (i)	1.357.299.999	1.357.299.999
- Dự án Mở rộng kho chứa nhà máy chế biến condensate (i)	40.267.156.646	40.267.156.646
- Dự án Công trình tuyến ống xuất nhập cho nhà máy chế biến condensate	23.807.209.884	12.235.142.826
- Khác	577.000.000	501.616.000
	<u>66.008.666.529</u>	<u>54.361.215.471</u>

(i) Theo Quyết định số 18/QĐ-DKPM-DHDCĐ ngày 20 tháng 12 năm 2011 của Đại hội đồng cổ đông, Công ty đã quyết định tạm dừng việc xây dựng Dự án mở rộng kho chứa nhà máy chế biến condensate và Dự án mở rộng và sử dụng hiệu quả nguyên liệu cho nhà máy chế biến condensate. Trong năm 2014, Công ty đã kết chuyển thuế giá trị gia tăng đã khấu trừ của dự án vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang với số tiền 3.186.799.684 VND. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, Đại hội đồng cổ đông chưa có quyết định phê duyệt cuối cùng về việc ghi nhận giá trị đã phát sinh của dự án vào chi phí. Do vậy, Công ty chưa ghi nhận phần chi phí này để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>31/12/2015</u>		<u>31/12/2014</u>	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Thương mại Năng Lượng Xanh	8.137.039.500	8.137.039.500	-	-
Các đối tượng khác	584.522.701	584.522.701	281.994.525	281.994.525
Phải trả người bán các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 23)	3.013.938.211	3.013.938.211	8.983.566.530	8.983.566.530
	<u>11.735.500.412</u>	<u>11.735.500.412</u>	<u>9.265.561.055</u>	<u>9.265.561.055</u>

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>01/01/2015</u>	<u>Phát sinh trong năm</u>		<u>31/12/2015</u>
		Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	
Thuế giá trị gia tăng	3.146.709.064	739.199.151	2.804.428.556	1.081.479.659
Thuế thu nhập doanh nghiệp	288.560.667	567.137.296	1.699.430.593	(843.732.630)
Các loại thuế khác	60.967.334	336.395.629	397.360.255	2.708
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Thuế thu nhập cá nhân	60.967.334	333.395.629	394.360.255	2.708
	<u>3.496.237.065</u>	<u>1.642.732.076</u>	<u>4.901.219.404</u>	<u>237.749.737</u>
Trong đó:				
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.496.237.065			1.081.482.367
- Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	-			843.732.630

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CHẾ BIẾN DẦU KHÍ PHÚ MỸ

Khu Công nghiệp Cái Mép, xã Tân Phước, huyện Tân Thành

Báo cáo tài chính

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Trích trước chi phí chế tạo, thay thế, sửa chữa thiết bị	859.332.796	-
Trích trước chi phí bảo dưỡng thiết bị	309.580.000	-
Các khoản trích trước khác	1.026.593.411	680.040.726
	<u>2.195.506.207</u>	<u>680.040.726</u>

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2014	500.000.000.000	17.312.767.260	5.570.730.766	28.416.825.858	551.300.323.884
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	507.896.796	507.896.796
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	5.400.000	5.400.000
Số dư tại ngày 01/01/2015	500.000.000.000	17.312.767.260	5.570.730.766	28.930.122.654	551.813.620.680
Phân loại lại theo Thông tư 200/2014/TT-BTC	-	5.570.730.766	(5.570.730.766)	-	-
Số dư tại ngày 01/01/2015 (Phân loại lại)	500.000.000.000	22.883.498.026	-	28.930.122.654	551.813.620.680
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	1.313.150.563	1.313.150.563
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(203.158.718)	(203.158.718)
Số dư tại ngày 31/12/2015	500.000.000.000	22.883.498.026	-	30.040.114.499	552.923.612.525

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đầu tư (sửa đổi), vốn điều lệ của Công ty là 500.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn đã góp 31/12/2015		Vốn đã góp 31/12/2014	
	VND	%	VND	VND	VND	VND
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV	315.000.000.000	63%	338.188.000.000	338.188.000.000	338.188.000.000	338.188.000.000
Ngân hàng Thương mại TNHH Một thành viên Đại Dương	10.000.000.000	2%	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	1.000.000.000	0,2%	11.000.000.000	11.000.000.000	11.000.000.000	11.000.000.000
Các cổ đông khác	174.000.000.000	34,8%	140.812.000.000	140.812.000.000	140.812.000.000	140.812.000.000
	<u>500.000.000.000</u>	<u>100%</u>	<u>500.000.000.000</u>	<u>500.000.000.000</u>	<u>500.000.000.000</u>	<u>500.000.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CHẾ BIẾN DẦU KHÍ PHÚ MỸKhu Công nghiệp Cái Mép, xã Tân Phước, huyện Tân Thành
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt NamBáo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***15. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	2015	2014
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ		
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng hóa	330.100.912.761	119.616.839.199
- Doanh thu dịch vụ gia công hàng hóa	97.077.270.444	74.988.033.970
- Doanh thu dịch vụ khác	8.279.679.076	9.000.973.186
	435.457.862.281	203.605.846.355
Trong đó:		
Doanh thu với các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 23)	434.381.853.484	196.410.690.178

16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2015	2014
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa xuất bán	257.768.109.459	123.557.997.780
Giá vốn dịch vụ gia công hàng hóa	163.432.749.473	75.451.374.184
	421.200.858.932	199.009.371.964

17. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	332.217.987.414	125.928.291.408
Chi phí nhân công	29.098.564.135	21.645.060.036
Chi phí khấu hao tài sản cố định	34.411.803.702	34.312.348.803
Chi phí dịch vụ mua ngoài	39.483.091.602	27.983.049.508
Chi phí khác bằng tiền	3.459.016.389	2.890.327.127
	438.670.463.242	212.759.076.882

18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2015	2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay	178.228.692	678.295.691
Lãi bán hàng trả chậm	4.737.628.773	8.332.029.013
	4.915.857.465	9.010.324.704

19. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí lương nhân viên	13.885.889.593	10.464.886.410
Chi phí khấu hao tài sản cố định	58.698.328	133.320.618
Chi phí thuế, phí, lệ phí	6.000.000	6.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	60.000.000	878.617.615
Chi phí khác bằng tiền	3.459.016.389	2.266.880.275
	17.469.604.310	13.749.704.918

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CHẾ BIẾN DẦU KHÍ PHÚ MỸ

Khu Công nghiệp Cái Mép, xã Tân Phước, huyện Tân Thành

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***20. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	567.137.296	370.974.165
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	567.137.296	370.974.165

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	2015	2014
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	1.880.287.859	878.870.961
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	697.608.940	807.375.242
<i>Trừ: Thu nhập không chịu thuế</i>	-	-
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	697.608.940	807.375.242
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.577.896.799	1.686.246.203
Thu nhập chịu thuế suất thông thường 22%	2.577.896.799	1.686.246.203
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	567.137.296	370.974.165

21. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	2015	2014
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.313.150.563	507.896.796
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	525.260.225	203.158.718
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	787.890.338	304.738.078
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	50.000.000	50.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	16	6

22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CHẾ BIẾN DẦU KHÍ PHÚ MỸ

Khu Công nghiệp Cái Mép, xã Tân Phước, huyện Tân Thành
 Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	40.365.674.050	59.067.210.455
Phải thu khách hàng và phải thu khác	224.128.686.010	237.088.870.899
Tổng cộng	264.494.360.060	296.156.081.354
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	11.852.839.758	9.368.352.966
Chi phí phải trả	2.195.506.207	680.040.726
Tổng cộng	14.048.345.965	10.048.393.692

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu các bên liên quan. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan như trình bày tại Thuyết minh số 23.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CHẾ BIẾN DẦU KHÍ PHÚ MỸKhu Công nghiệp Cái Mép, xã Tân Phước, huyện Tân Thành
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm
	VND
31/12/2015	
Tiền và các khoản tương đương tiền	40.365.674.050
Phải thu khách hàng và phải thu khác	224.128.686.010
Tổng cộng	264.494.360.060
Phải trả người bán và phải trả khác	11.852.839.758
Chi phí phải trả	2.195.506.207
Tổng cộng	14.048.345.965
Chênh lệch thanh khoản thuần	250.446.014.095
	Dưới 1 năm
	VND
31/12/2014	
Tiền và các khoản tương đương tiền	59.067.210.455
Phải thu khách hàng và phải thu khác	237.088.870.899
Tổng cộng	296.156.081.354
Phải trả người bán và phải trả khác	9.368.352.966
Chi phí phải trả	680.040.726
Tổng cộng	10.048.393.692
Chênh lệch thanh khoản thuần	286.107.687.662

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CHẾ BIẾN DẦU KHÍ PHÚ MỸ

Khu Công nghiệp Cái Mép, xã Tân Phước, huyện Tân Thành

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***23. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan:**

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV	Công ty mẹ
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	Cùng Tập đoàn
Công ty Bảo hiểm PVI Vũng Tàu	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	Cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí biển	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dầu nhờn PVOIL	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Giám định Năng lượng Việt Nam	Cùng Tập đoàn
Công ty Bảo hiểm PVI Phía Nam (PVI South)	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí	Cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí biển	Cùng Tập đoàn
Ngân hàng Thương mại TNHH Một thành viên Đại Dương	Cùng Tập đoàn

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2015	2014
	VND	VND
Mua hàng hóa và dịch vụ		
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam	9.735.297.387	2.274.165.006
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV	7.158.922.021	7.571.061.703
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	3.271.790.972	8.394.979.012
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	2.317.914.330	-
Công ty Bảo hiểm PVI Vũng Tàu	1.935.290.654	2.057.054.157
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	884.542.415	1.110.583.985
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí biển	711.179.908	1.159.611.343
Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông	644.913.840	309.909.210
Công ty Cổ phần Dầu nhờn PVOIL	327.056.400	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	109.173.900	-
Công ty Cổ phần Giám định Năng lượng Việt Nam	70.909.090	-
Công ty Bảo hiểm PVI Phía Nam (PVI South)	-	1.107.361.172
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí	-	90.625.755.652
Bán hàng hóa và dịch vụ		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV	434.299.995.085	196.354.590.178
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	28.620.000	54.720.000
Công ty Cổ phần Dầu nhờn PVOIL	17.238.399	-
Công ty Cổ phần Giám định Năng lượng Việt Nam	36.000.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam	-	1.380.000
Lãi bán hàng trả chậm		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV	4.737.628.773	8.332.029.013

23. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng		
Ngân hàng Thương mại TNHH Một thành viên Đại Dương	162.559.693	722.318.309
Các khoản phải thu		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV	210.930.944.809	227.590.428.225
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	3.344.000	-
Công ty Cổ phần Dầu nhờn PVOIL	1.133.030	-
Các khoản phải trả		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV	1.336.158.290	8.081.969.390
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam	1.180.643.918	34.180.000
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	193.749.562	342.832.855
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	120.091.290	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	82.462.660	38.671.080
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí biển	57.027.082	35.372.290
Công ty Bảo hiểm PVI Vũng Tàu	36.605.409	3.667.950
Công ty Cổ phần Giám định Năng lượng Việt Nam	7.200.000	6.600.000
Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông	-	84.224.019
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	-	356.048.946
Phải thu khác		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV	13.069.657.786	8.332.029.013
Phải trả khác		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV	-	20.000.000

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc	1.487.466.244	1.699.600.000

24. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Đơn vị	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
1. Ngoại tệ	EUR	50	50
2. Hàng hóa, vật tư nhận giữ hộ	Lít	7.725.824	19.467.589

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CHÉ BIẾN DẦU KHÍ PHÚ MỸ

Khu Công nghiệp Cái Mép, xã Tân Phước, huyện Tân Thành
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

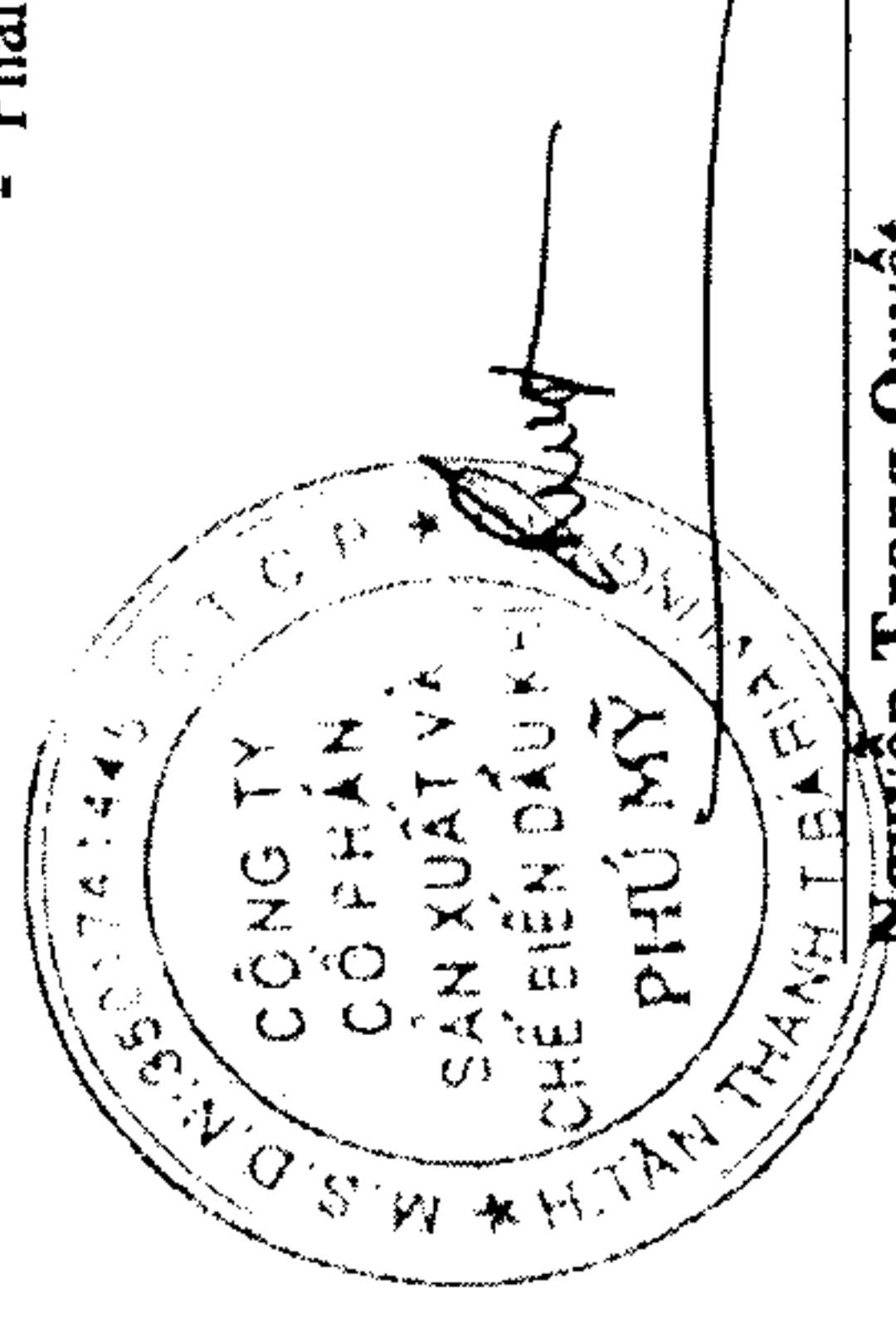
25. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu của năm trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay, cụ thể như sau:

Đơn vị: VND

Tên chỉ tiêu	Theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC		Theo TT 200/2014/TT-BTC		Thay đổi
	Mã số	31/12/2014	Mã số	31/12/2014	
I. Tài sản					
1. Phải thu khách hàng	131	228.417.091.691	131	228.417.091.691	Đổi tên
2. Trả trước cho người bán	132	155.062.500	132	155.062.500	Đổi tên
3. Các khoản phải thu khác	135	8.671.779.208	136	8.682.779.208	Phân loại lại và đổi tên
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	11.000.000	155	-	Phân loại lại
II. Nguồn vốn					
1. Phải trả người bán	312	9.265.561.055	311	9.265.561.055	Đổi tên
2. Chi phí phải trả	316	680.040.726	315	680.040.726	Đổi tên
3. Vốn điều lệ	411	500.000.000.000	411	500.000.000.000	Đổi tên
4. Quỹ đầu tư phát triển	417	17.312.767.260	418	22.883.498.026	Phân loại lại
5. Quỹ dự phòng tài chính	418	5.570.730.766			- Phân loại lại và đổi tên

(Handwritten signature)

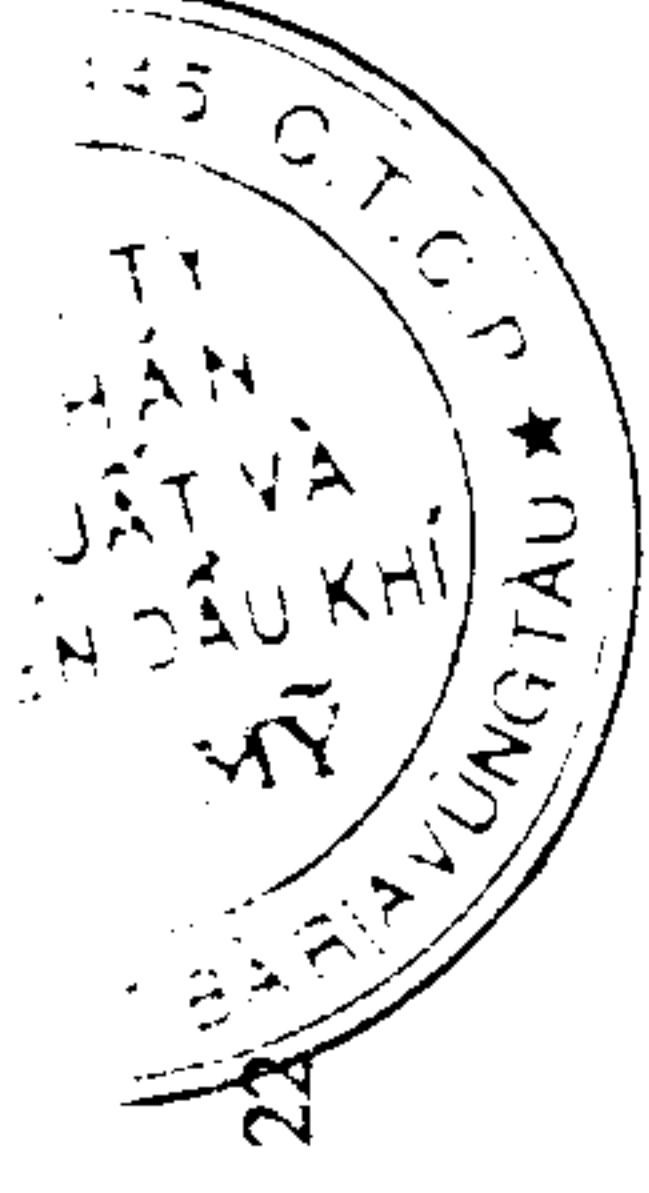


Lê Văn Phong
Người lập biểu

Lương Trung Kiên
Kế toán trưởng

Nguyễn Trọng Quyết
Giám đốc

Ngày 25 tháng 02 năm 2016



(Handwritten signature)